

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 11/2020
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 05/11/2020

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	50	50	0	17,780
2	APC	Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú	100	50	50	0	31,500
3	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	60	30	30	0	10,000
4	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	0	37,950
5	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	40	0	34,350
6	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	50	50	0	21,450
7	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	0	106,730
8	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	59,360
9	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	40	40	0	16,650
10	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	40	40	0	41,330
11	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	50	50	0	18,750
12	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	0	31,500
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	30	30	0	15,530
14	BCC	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	100	30	30	0	10,650
15	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	40	40	0	25,050
16	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	0	46,950
17	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	100	50	50	0	13,440
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	0	38,630
19	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	0	81,000
20	GIL	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	100	30	30	0	42,000
21	CMX	Công ty Cổ phần Camimex Group	100	30	30	0	17,200
22	SJD	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	100	50	50	0	27,900
23	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	100	40	40	0	36,300
24	STK	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	100	50	50	0	24,210
25	C32	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	100	40	40	0	38,330
26	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	0	51,450
27	CVT	Công ty Cổ phần CMC	100	40	40	0	34,580
28	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	0	30,900
29	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	80	40	40	0	16,695
30	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	30	40	-10	89,700
31	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	100	40	40	0	19,800
32	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	50	50	0	20,000
33	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	0	52,100
34	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	40	40	0	67,880

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
35	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	100	50	50	0	20,000
36	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	50	50	0	30,450
37	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	50	-10	40,050
38	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	40	40	0	29,400
39	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	0	128,870
40	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	40	40	0	79,500
41	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	50	0	68,930
42	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	100	50	50	0	86,100
43	DAG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á	40	20	20	0	7,000
44	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	40	40	0	69,230
45	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	40	40	0	62,850
46	DRH	Công ty cổ phần DRH Holdings	20	10	10	0	10,680
47	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	0	39,900
48	DGC	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	100	50	50	0	61,880
49	FCN	Công ty cổ phần FECON	100	50	50	0	12,230
50	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	100	50	50	0	9,000
51	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	0	79,800
52	FRT	Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	30	30	0	34,650
53	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	30	30	0	15,410
54	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	40	40	0	35,550
55	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	40	40	0	36,900
56	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	0	20,630
57	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	80	40	40	0	26,400
58	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	50	30	20	22,050
59	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	50	50	0	83,250
60	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	100	50	50	0	25,280
61	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	0	37,950
62	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	40	40	0	28,200
63	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	40	50	-10	34,500
64	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	0	62,100
65	HBC	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hoà Bình	100	30	30	0	16,950
66	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	60	-10	44,030
67	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	0	23,400
68	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	40	20	20	0	2,600
69	HLD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	100	50	50	0	41,550
70	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	80	40	40	0	29,250
71	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	0	70,050
72	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	100	40	40	0	102,000
73	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	20	30	-10	7,890

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
74	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	50	50	0	35,850
75	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	0	53,550
76	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	40	40	0	22,200
77	LDG	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	100	40	30	10	10,590
78	L14	Công ty cổ phần LICOGI 14	100	40	40	0	56,860
79	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	50	50	0	14,550
80	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	0	85,950
81	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	100	50	40	10	39,000
82	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	0	69,050
83	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	0	17,250
84	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	0	28,050
85	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	0	160,200
86	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	70	35	35	0	22,000
87	NKG	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	100	20	30	-10	13,290
88	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	40	40	0	40,580
89	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	0	29,550
90	NVB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân	60	30	30	0	10,590
91	NVL	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	100	40	40	0	93,000
92	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	0	101,850
93	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	0	70,430
94	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	30	30	0	30,080
95	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	0	28,200
96	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	50	50	0	31,200
97	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	0	18,680
98	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	10,000
99	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	100	50	50	0	20,000
100	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	25,650
101	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	0	108,900
102	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	0	15,600
103	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	0	35,100
104	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	15,300
105	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	21,300
106	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	0	20,480
107	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100	40	40	0	35,250
108	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	0	58,000
109	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	0	100,500
110	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	100	50	50	0	84,000
111	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	50	50	0	14,610
112	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	50	50	0	82,500
113	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	100	50	50	0	33,900
114	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	50	50	0	71,400

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
115	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	0	44,850
116	PME	Công ty Cổ phần Pymepharco	100	50	50	0	103,950
117	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	100	50	50	0	171,000
118	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	40	40	0	62,400
119	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	40	40	0	9,740
120	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	0	23,700
121	SHS	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	100	40	40	0	20,550
122	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	0	187,070
123	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	0	21,300
124	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	0	7,300
125	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	50	50	0	14,190
126	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	0	47,250
127	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	100	50	50	0	10,000
128	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	0	93,150
129	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	40	40	0	32,750
130	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	0	69,380
131	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	0	17,000
132	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	50	50	0	32,780
133	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	0	23,550
134	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	60	-10	27,300
135	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	100	30	30	0	14,330
136	ITA	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	100	30	20	10	7,770
137	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	100	50	50	0	46,570
138	TSC	Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	40	20	20	0	4,125
139	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	0	37,580
140	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	40	40	0	24,450
141	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	0	52,800
142	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	50	50	0	34,130
143	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	0	38,480
144	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong	100	50	50	0	51,600
145	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	0	43,350
146	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	40	40	0	19,950
147	TVB	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	100	30	40	-10	11,990
148	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	50	50	0	27,750
149	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	80	40	40	0	42,000
150	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	0	102,910
151	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	40	50	-10	60,000
152	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	40	40	0	30,000
153	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	50	50	0	62,180

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
154	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	0	132,130
155	GEX	Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	100	40	40	0	30,980
156	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	30	30	0	26,250
157	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	0	48,150
158	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	0	37,200
159	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	0	35,850
160	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	0	33,490
161	VMC	Công ty Cổ phần Vimeco	60	30	30	0	10,810
162	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	0	41,180
163	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	100,000
164	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	0	64,050
165	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	0	114,300
166	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	0	24,000
167	CAV	Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	100	50	50	0	105,750
168	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	0	45,900
169	GMC	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	100	50	50	0	24,600
170	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	0	17,330
171	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	100	30	30	0	14,780
172	KPF	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh	60	30	30	0	19,700
173	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	0	86,800
174	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	39,830
175	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	40	30	10	23,700
176	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	50	50	0	20,000
177	THT	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	100	50	50	0	11,250
178	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	30	30	0	51,000
179	VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	100	30	30	0	10,440
180	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	40	40	0	21,450
181	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	50	25	25	0	100,000
182	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	20	20	0	156,750
183	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần	100	30	30	0	22,130
184	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	0	0			-
185	ABS	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận	50	0			0
186	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
187	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
188	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	50	0			0
189	AGG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
190	AGM	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	0	0			0
191	AMD	Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD	0	0			0
192	ASP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	0	0			0
193	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
194	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	50	0			0
195	BCG	Công ty cổ phần Bamboo Capital	0	0			0
196	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
197	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
198	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
199	C47	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	0	0			0
200	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	0	0			0
201	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	50	0			0
202	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	0	0			0
203	CKG	Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	50	0			0
204	CLL	Công ty cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
205	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
206	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
207	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
208	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	0	0			0
209	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
210	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	50	0			0
211	DAH	Công ty cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0	0			0
212	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
213	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
214	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	0	0			0
215	DQC	Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang	0	0			0
216	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
217	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
218	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
219	EMC	Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức	0	0			0
220	EVG	Công ty Cổ phần Đầu tư Everland	0	0			0
221	FCM	Công ty cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
222	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	0	0			0
223	GAB	Công ty cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản FLC	0	0			0
224	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
225	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	50	0			0
226	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
227	HAI	Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I	0	0			0
228	HAP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	0	0			0
229	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
230	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
231	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
232	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	50	0			0
233	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
234	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
235	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
236	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
237	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
238	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	50	0			0
239	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
240	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
241	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	0			0
242	HVX	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	0	0			0
243	ICT	Cổ phiếu Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện	0	0			0
244	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
245	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0	0			0
246	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
247	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
248	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
249	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
250	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
251	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
252	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
253	MDG	Công ty Cổ phần miền Đông	0	0			0
254	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
255	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	50	0			0
256	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
257	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
258	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
259	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
260	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
261	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
262	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
263	PMG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	0	0			0
264	RDP	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông	0	0			0
265	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
266	SAV	Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX	0	0			0
267	SBV	CTCP Siam Brothers Việt Nam	0	0			0
268	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	0	0			0
269	SCD	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	0	0			0
270	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	0	0			0
271	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
272	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
273	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
274	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
275	SGR	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn	0	0			0
276	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
277	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
278	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
279	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
280	SMC	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	0	0			0
281	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
282	SRF	Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh	0	0			0
283	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
284	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	0	0			0
285	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	0	0			0
286	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
287	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
288	TAC	Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An	0	0			0
289	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
290	TCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	0	0			0
291	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	50	0			0
292	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
293	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	0	0			0
294	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
295	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	0	0			0
296	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
297	THI	Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện	0	0			0
298	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
299	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	50	0			0
300	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
301	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
302	TMT	Công ty Cổ phần Ô tô TMT	0	0			0
303	TN1	Cô phiếu Công ty cô phân Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
304	TNA	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam	50	0			0
305	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	0	0			0
306	TNI	Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam	0	0			0
307	TPC	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	0	0			0
308	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	0	0			0
309	TTB	Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ	50	0			0
310	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	0	0			0
311	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
312	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
313	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
314	VAF	Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	0	0			0
315	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
316	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
317	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	0	0			0
318	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viên Đông	0	0			0
319	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	50	0			0
320	VMD	Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0	0			0
321	VNE	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	0	0			0
322	VNL	Công ty cổ phần Logistics Vinalink	0	0			0
323	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
324	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
325	VPH	Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	0	0			0
326	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
327	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
328	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
329	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
330	AAV	Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc	50	0			0
331	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
332	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
333	AMV	CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	50	0			0
334	ART	Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex	0	0			0
335	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
336	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
337	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
338	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
339	BDB	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
340	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
341	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
342	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
343	BST	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	0	0			0
344	BTS	Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	0	0			0
345	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
346	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
347	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	50	0			0
348	CAG	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	0	0			0
349	CAN	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
350	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
351	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
352	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
353	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
354	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
355	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
356	CTP	Công ty Cổ phần Cà Phê Thương Phú	0	0			0
357	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
358	CTX	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	0	0			0
359	CVN	Công ty cổ phần Vinam	0	0			0
360	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
361	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
362	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
363	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
364	DDG	Công ty cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương	0	0			0
365	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
366	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
367	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
368	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
369	DNM	Tổng Công ty cổ phần Y tế Danameco	0	0			0
370	DNP	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	0	0			0
371	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
372	DPC	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	0	0			0
373	DS3	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3	0	0			0
374	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
375	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
376	EBA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Điện Bắc Nà	0	0			0
377	ECI	Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
378	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
379	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	0	0			0
380	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
381	GKM	Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh	50	0			0
382	GLT	Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	0	0			0
383	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
384	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
385	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
386	HBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	0	0			0
387	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
388	HCT	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	0	0			0
389	HEV	Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	0	0			0
390	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
391	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
392	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
393	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
394	HOM	Công ty cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai	0	0			0
395	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
396	HTP	Công ty Cổ phần HTInvest	0	0			0
397	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
398	ICG	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	0	0			0
399	IDJ	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển Doanh nghiệp IDJ	50	0			0
400	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
401	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
402	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
403	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
404	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
405	KLF	Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	0	0			0
406	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
407	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
408	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
409	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
410	L62	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	0	0			0
411	LBE	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	0	0			0
412	LCD	Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	0	0			0
413	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
414	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	0	0			0
415	LUT	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài	0	0			0
416	MBG	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
417	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
418	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
419	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
420	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
421	MED	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	0	0			0
422	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
423	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
424	MST	CTCP Xây dựng 1.1.6.8	0	0			0
425	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	0	0			0
426	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
427	NBP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	0	0			0
428	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
429	NDX	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
430	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
431	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0	0			0
432	NHC	Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp	0	0			0
433	NRC	Công ty Cổ phần Bất động sản Netland	50	0			0
434	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
435	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
436	ONE	Công ty Cổ phần Truyền thông số 1	0	0			0
437	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
438	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
439	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
440	PGN	Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	0	0			0
441	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
442	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
443	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
444	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
445	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
446	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
447	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
448	POT	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0	0			0
449	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
450	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
451	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
452	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0	0			0
453	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
454	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
455	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
456	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
457	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
458	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
459	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
460	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
461	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
462	S99	Công ty Cổ phần SCI	0	0			0
463	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
464	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
465	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
466	SD6	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	0	0			0
467	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
468	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
469	SDG	Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	0	0			0
470	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
471	SDT	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	0	0			0
472	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
473	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
474	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
475	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
476	SGD	Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại T.P Hồ Chí Minh	0	0			0
477	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
478	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
479	SIC	Công ty cổ phần ANI	0	0			0
480	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
481	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
482	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
483	SRA	Công ty Cổ phần Sara Việt Nam	50	0			0
484	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
485	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
486	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
487	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
488	TAR	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	50	0			0
489	TC6	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
490	TDN	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	0	0			0
491	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	50	0			0
492	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
493	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
494	TIG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
495	TKU	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang	0	0			0
496	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
497	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
498	TPH	Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại T.P Hà Nội	0	0			0
499	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	0	0			0
500	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
501	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
502	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	0	0			0
503	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
504	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
505	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
506	TVC	Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	50	0			0
507	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
508	UNI	Công ty Cổ phần Viễn Liên	0	0			0
509	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
510	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
511	VC2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	0	0			0
512	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
513	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
514	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
515	VCM	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	0	0			0
516	VDL	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
517	VE2	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	0	0			0
518	VE3	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0	0			0
519	VE4	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	0	0			0
520	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	0	0			0
521	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
522	VHL	Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	0	0			0
523	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
524	VIT	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	0	0			0
525	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	50	0			0
526	VKC	Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh	0	0			0
527	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
528	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
529	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
530	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
531	VNT	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T11/2020 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng 11/2020 (%)	Tỷ lệ cho vay tháng 10/2020 (%)	Thay đổi	
532	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
533	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
534	VTC	CTCP Viễn thông VTC	0	0			0
535	VTH	Công ty cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái	0	0			0
536	VTV	Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng	0	0			0
537	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0